

Thứ sáu, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Vietnam Daily Review

Áp lực bán tháo đã xuất hiện

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/8/2023	•		
Tuần 03/07-07/07/2023	•		
Tháng 08/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường bị bán tháo trong ngày hôm nay. VN-Index đóng cửa tại mốc 1,177.99 điểm, giảm 4.5% so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Hóa chất, Bất động sản, Dịch vụ tài chính,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay giao dịch của khối này là điểm sáng khi mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. VN-Index giảm mạnh với thanh khoản tăng đột biến trong ngày hôm nay tiềm ẩn rủi ro trong những phiên giao dịch tới. Ngưỡng hỗ trợ hiện tại của thị trường là 1,160-1170. Nhà đầu tư nên cẩn trọng trong những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/8/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-55.49** điểm, đóng cửa **1177.99** điểm. HNX-Index **-14.01** điểm, đóng cửa **235.96** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+0.14), TMS (+0.03), S4A (+0.01), DMC (+0.01), CLW (+0.01).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-4.61), VHM (-4.43), BID (-3.58), VPB (-2.52), HPG (-2.28).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 31,889 tỷ đồng, tăng 34.43% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 36,145 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 54.68 điểm. Thị trường có 25 mã tăng, 48 mã tham chiếu, 486 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 431.77 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VNM (187.97 tỷ), CTG (156.02 tỷ), VHM (146.53 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.02 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-1.99%**. Các mã diễn biến tích cực: VCB (+0.11%), VNM (-0.41%), FPT (-0.58%)
- BSC50 **-6.03%**. Các mã diễn biến tích cực: PTB (+0.00%), SAB (-1.35%), TNG (-2.08%)

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Viễn thông	0.00%	Hàng cá nhân & Công nghệ Thông tin	-3.98%
Công nghệ Thông tin	-1.32%	Xây dựng và Vật	-4.41%
Y tế	-1.66%	Tài nguyên Cơ	-5.14%
Thực phẩm và đồ uống	-2.31%	Dầu khí	-5.39%
Điện, nước & xăng dầu	-2.68%	Dịch vụ tài chính	-6.02%
Ô tô và phụ tùng	-3.14%	Bất động sản	-6.32%
Bảo hiểm	-3.44%	Hóa chất	-6.32%
Ngân hàng	-3.58%	Bán lẻ	-6.34%
Hàng & Dịch vụ Công	-3.70%	VN30	-4.63%
Du lịch và Giải trí	-3.90%	VNSML	-5.40%
Truyền thông	-3.96%	VNMID	-5.66%

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1177.99**

Giá trị: 31889.07 tỷ **-55.49 (-4.5%)**

Khối ngoại (ròng): 431.77 bil

HNX-INDEX **235.96**

Giá trị: 4169.68 tỷ **-14.01 (-5.6%)**

Khối ngoại (ròng): -2.02 tỷ

UPCOM-INDEX **889.27**

Giá trị: 1692.54 tỷ **-3.47 (-3.74%)**

Khối ngoại (ròng): 28.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	80.0	0.77%
Giá vàng	1,889	-0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,875	-0.29%
Tỷ giá EUR/VND	25,955	-0.32%
Tỷ giá JPY/VND	163	-0.22%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	0.15%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	187.97	DGC	-48.59
CTG	156.02	VIC	-46.69
VHM	146.53	MSN	-41.06
VRE	103.45	VPB	-40.67
VCB	71.26	SSI	-40.16

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/8

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	79.99	0.77%	-3.41%	5.73%	-10.79%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	83.64	0.23%	-3.19%	5.21%	-12.66%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.81	-2.04%	-3.31%	6.73%	0.73%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.62	1.05%	-5.20%	0.05%	-71.66%		
TTF Gas	EUR/MWh	36.83	-2.54%	-0.62%	36.04%	-84.72%		
Vàng	Ounce	1,889.07	-0.14%	-1.20%	-4.53%	7.44%		PNJ
Bạc	Ounce	22.68	1.32%	0.00%	-9.57%	16.19%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,336.75	0.15%	-1.13%	-5.78%	-4.87%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.27	-0.40%	0.12%	24.60%	-13.99%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	127.40	0.32%	-1.32%	-1.39%	-14.44%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	24.00	-0.79%	0.21%	0.59%	35.06%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	415.00	1.22%	10.67%	38.10%	-42.56%		DPM, DCM
Niken	LB	19,530.00	0.16%	-3.82%	-6.15%	-10.44%		PC1
Đồng	LB	3.68	1.04%	-1.77%	-3.58%	1.41%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,140.00	0.85%	0.85%	8.08%	-18.32%		CSV
Thép	CNY/ton	3,704.00	0.08%	2.55%	0.71%	-8.43%		HPG
Nhôm	Ton	2,146.00	0.14%	-2.63%	-2.61%	-10.70%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tham chiếu kết thúc phiên tăng 67 cent, tương đương 0.8%, lên 84.12 USD/thùng, trong khi dầu thô Trung cấp Tây Texas (WTI) của Mỹ tăng 1.01 USD, tương đương 1.3%, lên 80.93 USD/thùng
- Giá dầu tăng vào thứ Năm sau khi giảm 3 phiên liên tiếp, do đồng đô la suy yếu và ngân hàng trung ương Trung Quốc tìm cách thúc đẩy thị trường bất động sản và nền kinh tế nói chung.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.3% xuống 1,886.10 USD/ounce, mức thấp nhất kể từ ngày 13 tháng 3. Giá vàng Mỹ kỳ hạn tương lai giảm 0.7% xuống 1,915.20 USD.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 5 tháng vào thứ Năm do các yếu tố như lợi suất trái phiếu kho bạc tăng, đồng đô la vững chắc và quan điểm ủng hộ tăng lãi suất của các quan chức Cục Dự trữ Liên bang đã đè nặng lên tâm lý nhà đầu tư.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 4.34% lên 768.5 nhân dân tệ (105.15 USD)/tấn, cao nhất kể từ ngày 26 tháng 7.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tương lai trên sàn Đại Liên phiên thứ Năm tăng lên mức cao nhất trong vòng hơn ba tuần, kéo dài chuỗi tăng lên phiên thứ sáu, được củng cố bởi hy vọng mới về sự hỗ trợ chính sách nhiều hơn từ Trung Quốc sau cuộc họp nội các của nước này, và các nguyên tắc cơ bản tương đối tốt cho mặt hàng này.

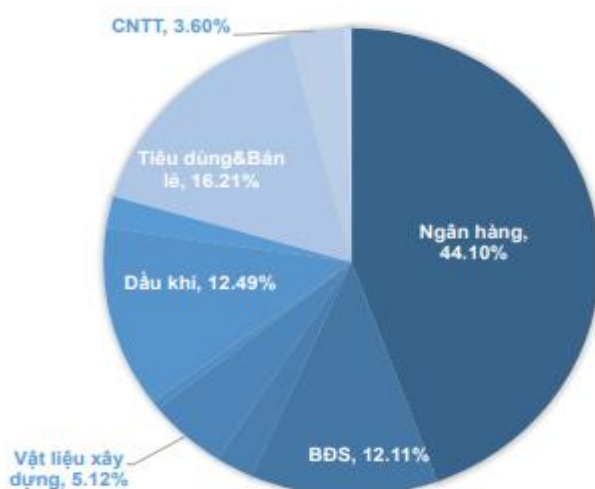
Giá hàng hóa khác

- Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 tăng 13 USD, tương đương 0.5%, lên 2,391 USD/tấn vào lúc đóng cửa. Trước đó, giá đã giảm xuống còn 2,351 USD/tấn, thấp nhất kể từ ngày 18/4.
- Hợp đồng cao su giao tháng 1 của Sở giao dịch Osaka kết thúc phiên tăng 0.7 yên, tương đương 0.4%, lên 196.3 yên (1.34 USD)/kg.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	89.5	0.1%	1.0	20,899	9.1	7,311	12.2	105,000	19.9%	Link
BID	Ngân hàng	44.2	-6.2%	0.8	9,341	5.3	4,208	10.5	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.6	-7.0%	1.1	5,778	29.5	-	-	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	32.5	-6.3%	1.7	4,776	18.0	-	-	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.1	-4.0%	1.5	3,943	16.6	4,640	3.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.3	-3.2%	1.2	2,465	59.0	4,603	6.8	31,200	24.2%	Link
GVR	BDS KCN	19.8	-6.8%	1.9	3,317	4.0	4,880	4.1	19,100	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	30.0	-7.0%	1.6	962	19.1	-	-	34,000	20.3%	Link
IDC	BDS KCN	43.2	-9.6%	1.7	596	16.6	1,217	-	45,900	11.1%	Link
VGC	BDS KCN	43.3	-7.0%	1.8	811	3.2	1,916	22.6	-	5.0%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.5	-5.7%	2.1	6,438	51.3	1,896	14.0	23,300	26.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	56.8	-6.9%	1.1	10,333	22.7	5,227	10.9	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	29.1	-4.9%	1.0	2,763	16.8	1,576	18.5	36,200	32.4%	Link
KDH	BDS	33.2	-6.6%	1.8	993	5.0	2,557	13.0	35,900	38.9%	Link
NLG	BDS	35.8	-6.9%	1.7	574	9.1	14,120	2.5	46,100	41.6%	Link
DGC	Phân bón	70.5	-6.7%	1.8	1,119	28.6	6,793	10.4	85,000	13.6%	Link
DPM	Dầu khí	39.0	-4.8%	1.0	638	9.2	2,625	14.9	42,000	15.3%	Link
DCM	Dầu khí	30.8	-6.2%	1.3	681	8.1	2,292	13.4	40,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	97.6	-2.4%	0.6	7,804	3.7	1,340	72.8	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	-6.0%	0.9	1,983	4.2	2,929	12.8	45,000	17.2%	Link
PVS	Dầu khí	32.0	-6.2%	1.0	639	17.0	993	32.2	38,500	20.2%	Link
PVD	Dầu khí	23.8	-6.9%	1.1	552	7.3	7,698	3.1	29,000	21.1%	Link
POW	Tiện ích	13.0	-6.8%	0.9	1,277	11.5	3,895	3.3	14,500	6.1%	Link
VNM	Bán lẻ	73.3	-0.4%	0.4	6,400	21.8	2,605	28.1	81,700	54.4%	Link
MSN	Bán lẻ	79.0	-3.8%	1.3	4,723	13.3	3,456	22.9	27,700	30.4%	Link
MWG	Bán lẻ	50.2	-6.9%	1.8	3,068	29.9	7,475	6.7	63,300	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.5	-2.1%	0.7	1,076	3.6	2,965	26.5	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	71.0	-2.7%	1.0	544	4.8	12,800	5.5	90,900	32.0%	Link
GMD	Logistics	52.2	-5.4%	0.4	657	3.7	7,059	7.4	57,000	47.1%	Link
FPT	Công nghệ	85.5	-0.6%	0.7	4,537	15.2	5,901	14.5	96,300	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	30.7	-5.80%	1.1	6,164	17.6	3,520	8.6	1.3	27.2%	15.9%
ACB	Ngân hàng	21.9	-3.5%	1.1	3,554	18.7	3,742	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	16.2	-5.5%	0.8	1,958	3.2	3,149	5.9	1.3	20.0%	22.3%
LPB	Ngân hàng	18.2	-4.2%	1.4	1,318	12.4	2,732	5.9	1.3	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.6	-5.6%	1.2	2,072	7.3	3,469	5.9	1.5	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	20.0	-7.0%	2.0	1,018	49.8	489	36.6	1.7	23.5%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.1	-4.0%	1.0	1,665	8.7	2,895	6.3	1.4	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	28.3	-5.5%	1.7	1,772	54.9	1,120	25.0	2.0		9.1%
CII	Xây dựng	20.5	-6.8%	1.7	243	16.2	218	85.0	1.1	8.4%	0.2%
C4G	Xây dựng	14.1	-9.0%	1.9	0	4.2	791	18.1	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	61.0	-6.9%	2.1	190	4.4	184	420.2	0.6	43.2%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.7	-7.0%	1.6	202	8.8	903	17.2	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.0	-6.8%	2.1	103	8.6	812	17.0	1.1	3.1%	3.7%
BCM	KCN	68.0	-5.6%	0.6	2,940	1.1	1,170	69.2	4.4	2.7%	3.1%
HUT	KCN	23.9	-9.8%	1.4	348	12.9	162	124.2	2.4	1.9%	1.3%
PHR	KCN	47.2	-6.9%	1.4	267	2.6	6,039	8.4	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	34.1	-7.0%	1.8	171	3.7	1,103	29.1	2.8	3.0%	10.8%
HSG	Vật liệu	18.6	-7.0%	2.3	479	21.9	(1,694)		1.2	20.2%	-11.7%
HT1	Vật liệu	14.6	-7.0%	1.5	234	1.3	386	43.4	1.3	3.6%	1.2%
NKG	Vật liệu	18.6	-7.0%	2.4	205	12.4	(2,586)		1.0	10.4%	-13.1%
PTB	Vật liệu	54.0	0.0%	1.1	151	2.9	6,017	9.1	1.4	17.1%	13.7%
KSB	Vật liệu	29.2	-6.8%	1.7	93	4.6	1,393	22.2	1.2	3.3%	5.0%
NVL	BDS	19.2	-6.8%	1.4	1,568	59.4	362	40.6	1.1	3.9%	-0.5%
DXG	BDS	18.8	-6.9%	2.8	480	37.8	(240)		1.3	18.4%	-1.4%
HDC	BDS	34.0	-7.0%	1.0	192	10.0	2,526	11.4	2.7	2.0%	17.2%
DIG	BDS	25.9	-6.8%	2.4	660	54.8	262	80.6	2.2	5.8%	1.1%
IJC	BDS	15.3	-7.0%	2.1	161	3.8	1,662	8.6	1.1	5.7%	10.2%
BSR	Dầu khí	18.8	-6.9%	1.4	0	14.2	4,750	3.8	1.2	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.5	-6.9%	0.8	291	5.0	2,740	8.6	1.1	13.9%	15.9%
PLC	Săm lốp	34.3	-10.0%	1.6	116	1.0	1,355	28.2	2.4	1.2%	7.6%
DRC	Tiện ích	22.0	-5.4%	1.2	109	0.8	2,246	10.3	1.6	11.5%	13.4%
REE	Tiện ích	60.5	-3.5%	0.7	1,033	4.4	6,714	9.8	1.6	49.0%	14.9%
GEX	Tiện ích	22.0	-7.0%	1.8	783	26.1	10	1917.7	1.6	11.9%	2.5%
NT2	Tiện ích	27.2	-6.8%	0.5	327	1.9	3,245	9.3	1.8	15.3%	15.6%
HDG	Tiện ích	28.4	-6.9%	1.8	363	2.9	3,775	8.1	1.7	23.8%	15.7%
PC1	Tiện ích	25.8	-6.9%	1.5	291	4.9	1,257	21.6	1.5	5.6%	5.1%
GEG	Tiện ích	14.2	-6.9%	1.0	202	1.9	902	16.5	1.4	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	11.0	-6.8%	2.5	244	17.1	220	44.5	0.9	2.1%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	153.6	-1.3%	0.0	4,115	2.0	7,649	19.6	4.2	62.3%	19.1%
QNS	Bán lẻ	46.2	-3.3%	0.5	0	4.3	4,226	11.9	2.0	16.2%	17.5%
FRT	Bán lẻ	68.2	-4.7%	1.5	388	4.3	1,620	47.4	5.9	32.7%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	50.0	-7.0%	2.2	349	7.8	3,397	14.2	3.5	23.6%	21.7%
DBC	Bán lẻ	23.8	-6.9%	2.1	240	10.3	(1,339)		1.4	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	25.6	-6.9%	2.4	114	0.7	1,026	29.3			3.7%
BAF	Bán lẻ	20.2	-6.9%	1.1	121	3.1	1,409	17.9	1.7	0.1%	10.0%
ANV	Thủy sản	32.2	-6.9%	1.9	179	3.6	4,368	8.6	1.6	3.9%	9.3%
VSC	Logistics	30.9	-6.9%	0.1	157	3.6	2,087	18.3	1.5	3.1%	6.4%
HAH	Logistics	31.5	-6.9%	1.2	139	3.4	9,072	5.3	1.5	4.5%	25.5%
CTR	Công nghệ	69.0	-5.0%	1.5	330	1.1	4,040	18.5	5.0	9.7%	31.9%
TNG	Dệt may	18.8	-2.1%	1.7	89	1.8	2,665	7.5	1.3	23.8%	17.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2021	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

